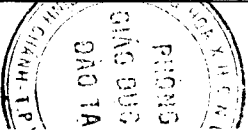


BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN MIỄN-GIẢM HỌC PHÍ CHO HỌC SINH DIỆN HỘ NGHÈO TP NĂM HỌC 2015-2016

STT	ĐƠN VỊ	Miễn 100%				Giảm 50%				TỔNG CỘNG			
		số HS	Số tiền	Học phí	Tiền học 2 buổi	số HS	Số tiền	Học phí	Tiền học 2 buổi	Số HS	Số tiền	Học phí	Tiền học 2 buổi
	MÀM NON	106	48.760.000	48.760.000	-	79	17.150.000	17.150.000	-	185	65.910.000	65.910.000	-
1	Mầm non Baby	2	900.000	900.000	-	-	-	-	-	2	900.000	900.000	-
2	Mầm non Hoa Hồng	8	3.760.000	3.760.000	-	3	600.000	600.000	-	11	4.360.000	4.360.000	-
3	Mầm non Hoa Thiên Lý 1	2	900.000	900.000	-	-	-	-	-	2	900.000	900.000	-
4	Mẫu giáo Hoa Đào	4	1.800.000	1.800.000	-	9	2.000.000	2.000.000	-	13	3.800.000	3.800.000	-
5	Mầm non Ngọc Lan	18	8.800.000	8.800.000	-	24	5.150.000	5.150.000	-	42	13.950.000	13.950.000	-
6	Mầm non Phong Lan	18	8.200.000	8.200.000	-	11	2.550.000	2.550.000	-	29	10.750.000	10.750.000	-
7	Mầm non Hoa Mai	8	3.700.000	3.700.000	-	3	650.000	650.000	-	11	4.350.000	4.350.000	-
8	Mầm non Hướng Dương	19	8.700.000	8.700.000	-	11	2.400.000	2.400.000	-	30	11.100.000	11.100.000	-
9	Mầm non Thủy Tiên	2	900.000	900.000	-	-	-	-	-	2	900.000	900.000	-
10	Mầm non Hoa Lan	9	4.000.000	4.000.000	-	2	450.000	450.000	-	11	4.450.000	4.450.000	-
11	Mầm non Quỳnh Hương	12	5.300.000	5.300.000	-	11	2.250.000	2.250.000	-	23	7.550.000	7.550.000	-
12	Mẫu giáo Sen Hồng	4	1.800.000	1.800.000	-	5	1.100.000	1.100.000	-	9	2.900.000	2.900.000	-
	TIỂU HỌC	638	183.690.000	-	183.690.000	663	88.560.000	-	88.560.000	1.301	272.250.000	-	272.250.000
1	Tiểu học Cầu Xáng	32	7.200.000	-	7.200.000	15	1.575.000	-	1.575.000	47	8.775.000	-	8.775.000
2	Tiểu học Tân Kiên	6	1.740.000	-	1.740.000	9	1.140.000	-	1.140.000	15	2.880.000	-	2.880.000
3	Tiểu học An Phú Tây	28	7.320.000	-	7.320.000	25	3.030.000	-	3.030.000	53	10.350.000	-	10.350.000
4	Tiểu học Hưng Long	7	2.040.000	-	2.040.000	8	960.000	-	960.000	15	3.000.000	-	3.000.000
5	Tiểu học Tân Nhựt	56	15.180.000	-	15.180.000	91	11.910.000	-	11.910.000	147	27.090.000	-	27.090.000
6	Tiểu học Trần Nhân Tôn	16	4.620.000	-	4.620.000	15	1.950.000	-	1.950.000	31	6.570.000	-	6.570.000
7	Tiểu học Phong Phú	33	11.100.000	-	11.100.000	29	6.510.000	-	6.510.000	62	17.610.000	-	17.610.000
8	Tiểu học Tân Túc	52	14.940.000	-	14.940.000	52	6.390.000	-	6.390.000	104	21.330.000	-	21.330.000
9	Tiểu học Tân Nhựt 6	70	19.680.000	-	19.680.000	56	7.260.000	-	7.260.000	126	26.940.000	-	26.940.000
10	Tiểu học Quí Đức	51	14.040.000	-	14.040.000	65	8.730.000	-	8.730.000	116	22.770.000	-	22.770.000
11	Tiểu học Bình Chánh	22	6.000.000	-	6.000.000	5	630.000	-	630.000	27	6.630.000	-	6.630.000
12	Tiểu học Bình Lợi	4	1.000.000	-	1.000.000	17	1.700.000	-	1.700.000	21	2.700.000	-	2.700.000
13	Tiểu học Nguyễn V. Trần	111	31.980.000	-	31.980.000	196	25.590.000	-	25.590.000	307	57.570.000	-	57.570.000
14	Tiểu học Tân Quý Tây	92	30.590.000	-	30.590.000	60	8.575.000	-	8.575.000	152	39.165.000	-	39.165.000
15	Tiểu học Vĩnh Lộc B	22	5.880.000	-	5.880.000	-	-	-	-	22	5.880.000	-	5.880.000
16	Tiểu học Lê Minh Xuân 3	18	4.980.000	-	4.980.000	19	2.460.000	-	2.460.000	37	7.440.000	-	7.440.000
17	Tiểu học Tân Quý Tây 3	18	5.400.000	-	5.400.000	1	150.000	-	150.000	19	5.550.000	-	5.550.000
	TRUNG HỌC CƠ SỞ	1.430	946.885.000	560.405.000	386.480.000	1.283	417.187.500	235.067.500	182.120.000	2.713	1.364.072.500	795.472.500	568.600.000
1	THCS Tân Quý Tây	133	92.995.000	53.635.000	39.360.000	83	24.400.000	14.280.000	10.120.000	216	117.395.000	67.915.000	49.480.000
2	THCS Vĩnh Lộc A	30	11.560.000	11.560.000	-	11	2.167.500	2.167.500	-	41	13.727.500	13.727.500	-
3	THCS Lê Minh Xuân	34	14.365.000	14.365.000	-	17	3.017.500	3.017.500	-	51	17.382.500	17.382.500	-
4	THCS Phạm Văn Hai	88	53.025.000	32.385.000	20.640.000	43	12.937.500	7.777.500	5.160.000	131	65.962.500	40.162.500	25.800.000
5	THCS Tân Nhựt	82	56.870.000	31.110.000	25.760.000	151	49.792.500	27.752.500	22.040.000	233	106.662.500	58.862.500	47.800.000



STT	ĐƠN VỊ	Miễn 100%				Giảm 50%				TỔNG CỘNG			
		số HS	Số tiền	Học phí	Tiền học 2 buổi	số HS	Số tiền	Học phí	Tiền học 2 buổi	Số HS	Số tiền	Học phí	Tiền học 2 buổi
	MÀM NON	106	48.760.000	48.760.000	-	79	17.150.000	17.150.000	-	185	65.910.000	65.910.000	-
6	THCS Vĩnh Lộc B	37	13.770.000	13.770.000	-	19	3.315.000	3.315.000	-	56	17.085.000	17.085.000	-
7	THCS Tân Kiên	71	27.455.000	27.455.000	-	38	6.672.500	6.672.500	-	109	34.127.500	34.127.500	-
8	THCS Qui Đức	303	216.305.000	118.065.000	98.240.000	260	91.112.500	49.512.500	41.600.000	563	307.417.500	167.577.500	139.840.000
9	THCS Nguyễn Văn Linh	47	34.815.000	17.935.000	16.880.000	42	13.942.500	7.182.500	6.760.000	89	48.757.500	25.117.500	23.640.000
10	THCS Hưng Long	62	46.240.000	24.480.000	21.760.000	53	18.067.500	9.307.500	8.760.000	115	64.307.500	33.787.500	30.520.000
11	THCS Đồng Đen	8	3.145.000	3.145.000	-	6	1.105.000	1.105.000	-	14	4.250.000	4.250.000	-
12	THCS Gò Xoài	29	20.330.000	11.050.000	9.280.000	22	7.472.500	3.952.500	3.520.000	51	27.802.500	15.002.500	12.800.000
13	THCS Tân Túc	102	73.780.000	41.140.000	32.640.000	75	25.557.500	13.557.500	12.000.000	177	99.337.500	54.697.500	44.640.000
14	THCS Bình Chánh	106	74.865.000	41.905.000	32.960.000	42	14.157.500	7.437.500	6.720.000	148	89.022.500	49.342.500	39.680.000
15	THCS Đa Phước	156	113.925.000	64.005.000	49.920.000	209	71.350.000	37.910.000	33.440.000	365	185.275.000	101.915.000	83.360.000
16	THCS Phong Phú	122	86.640.000	47.600.000	39.040.000	200	70.080.000	38.080.000	32.000.000	322	156.720.000	85.680.000	71.040.000
17	THCS Nguyễn Thái Bình	20	6.800.000	6.800.000	-	12	2.040.000	2.040.000	-	32	8.840.000	8.840.000	-
TỔNG CỘNG		2.174	1.179.335.000	609.165.000	570.170.000	2.025	522.897.500	252.217.500	270.680.000	4.199	1.702.232.500	861.382.500	840.850.000

Tổng số học sinh miễn 100%: 2.174 học sinh
Tổng số tiền được miễn : 1.179.335.000đ

Trong đó: Hộ nghèo TNBQ từ 16tr trở xuống: 2.146 học sinh - số tiền: 1.164.425.000đ

Mở còi, con thương binh: 28 học sinh - Số tiền: 14.910.000đ

Tổng số học sinh giảm 50%: 2.025 học sinh
Tổng số tiền được giảm : 522.897.500đ

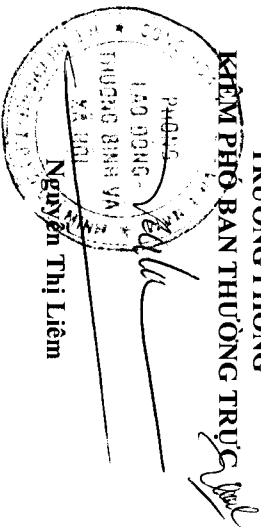
Trong đó: Hộ nghèo TNBQ 16tr trở xuống con thứ ba: 122 học sinh - số tiền: 27.817.500đ

Hộ nghèo TNBQ trên 16tr - 21tr: 1.903 học sinh - Số tiền: 495.080.000đ

PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỞNG PHÒNG

KÈM PHÓ BAN THƯỜNG TRỰC


Nguyễn Thị Liêm

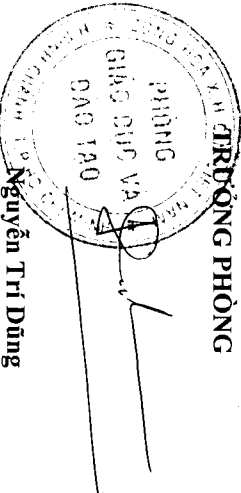
Người lập biên


Lê Thị Hồng Phúc

Bình Chánh, ngày 25 tháng 01 năm 2017

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Trí Dũng

